

Số 314-TB/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Điểm trúng tuyển và thủ tục xác nhận nhập học

Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 Học viện Báo chí và Tuyên truyền thông báo điểm trúng tuyển các ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 theo các phương thức xét tuyển, cụ thể như sau:

1. Mức điểm trúng tuyển theo từng ngành/chương trình đào tạo

STT	Tên ngành/chương trình đào tạo	Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn xét tuyển bằng phương thức kết hợp
		Mã tổ hợp	Điểm chuẩn	
1	Ngành Báo chí, chương trình đào tạo Báo in	D01	30.35	33.11
		D14	31.1	
		D15	31.1	
		X78	31.1	
2	Ngành Báo chí, chương trình đào tạo Ảnh báo chí	D01	28.1	32.01
		D14	28.85	
		D15	28.85	
		X78	28.85	
3	Ngành Báo chí, chương trình đào tạo Báo phát thanh	D01	30.9	33.38
		D14	31.65	
		D15	31.65	
		X78	31.65	
4	Ngành Báo chí, chương trình đào tạo Báo truyền hình	D01	31.83	33.84
		D14	32.83	
		D15	32.83	
		X78	32.83	
5	Ngành Báo chí, chương trình đào tạo Quay phim truyền hình	D01	30.25	33.06
		D14	30.75	
		D15	30.75	
		X78	30.75	

STT	Tên ngành/chương trình đào tạo	Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn xét tuyển bằng phương thức kết hợp
		Mã tổ hợp	Điểm chuẩn	
6	Ngành Báo chí, chương trình đào tạo Báo mạng điện tử	D01	31.3	33.58
		D14	32.05	
		D15	32.05	
		X78	32.05	
7	Ngành Xuất bản, chương trình đào tạo Biên tập xuất bản	D01	28.5	32.21
		D14	29.5	
		D15	29.5	
		X78	29.5	
8	Ngành Xuất bản, chương trình đào tạo Xuất bản điện tử	D01	28.6	32.25
		D14	29.6	
		D15	29.6	
		X78	29.6	
9	Ngành Truyền thông đa phương tiện	D01	26.23	27.45
		D14	27.23	
		D15	27.23	
		X78	27.23	
10	Ngành Truyền thông đại chúng	D01	25.33	26.9
		D14	26.33	
		D15	26.33	
		X78	26.33	
11	Ngành Quan hệ công chúng, chương trình đào tạo Quan hệ công chúng chuyên nghiệp	D01	25.86	27.22
		D14	26.86	
		D15	26.86	
		X78	26.86	
12	Ngành Quan hệ công chúng, chương trình đào tạo Truyền thông marketing	D01	26.23	27.45
		D14	27.23	
		D15	27.23	
		X78	27.23	
13	Ngành Quan hệ công chúng, chương trình đào tạo Truyền thông sáng tạo và Quảng cáo	D01	25.56	27.04
		D14	26.56	
		D15	26.56	
		X78	26.56	
14	Ngành Quan hệ quốc tế, chương trình đào tạo Thông tin đối ngoại	D01	24.7	26.54
		D14	25.7	
		D15	25.7	
		X78	25.7	

STT	Tên ngành/chương trình đào tạo	Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn xét tuyển bằng phương thức kết hợp
		Mã tổ hợp	Điểm chuẩn	
15	Ngành Quan hệ quốc tế, chương trình đào tạo Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế	D01	25	26.7
		D14	26	
		D15	26	
		X78	26	
16	Ngành Quan hệ quốc tế, chương trình đào tạo Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu	D01	25.25	26.85
		D14	26.25	
		D15	26.25	
		X78	26.25	
17	Ngành Truyền thông quốc tế	D01	25.65	27.09
		D14	26.65	
		D15	26.65	
		X78	26.65	
18	Ngành Ngôn ngữ Anh, chương trình đào tạo Biên dịch Ngôn ngữ Anh	D01	24.42	26.38
		D14	25.17	
		D15	25.17	
		X78	25.17	
19	Ngành Kinh tế, chương trình đào tạo Quản lý kinh tế	D01	24.15	26.23
		C03	24.65	
		C04	24.65	
		X01	24.65	
20	Ngành Chính trị học, chương trình đào tạo Công tác tư tưởng - văn hóa	D01	23.22	25.33
		C03	23.72	
		C04	23.72	
		X01	23.72	
21	Ngành Chính trị học, chương trình đào tạo Chính trị phát triển	D01	23.2	25.31
		C03	23.7	
		C04	23.7	
		X01	23.7	
22	Ngành Quản lý công	D01	22.35	24.76
		C03	22.85	
		C04	22.85	
		X01	22.85	
23	Ngành Quản lý nhà nước	D01	22.98	25.09
		C03	23.48	
		C04	23.48	
		X01	23.48	

STT	Tên ngành/chương trình đào tạo	Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn xét tuyển bằng phương thức kết hợp
		Mã tổ hợp	Điểm chuẩn	
24	Ngành Chính trị học, chương trình đào tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh	D01	23.21	25.32
		C03	23.71	
		C04	23.71	
		X01	23.71	
25	Ngành Chính trị học, chương trình đào tạo Truyền thông chính sách	D01	24.2	26.26
		C03	24.7	
		C04	24.7	
		X01	24.7	
26	Ngành Triết học	D01	22.26	24.72
		C03	22.76	
		C04	22.76	
		X01	22.76	
27	Ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học	D01	22.85	25.02
		C03	23.35	
		C04	23.35	
		X01	23.35	
28	Ngành Kinh tế chính trị	D01	23.8	25.94
		C03	24.3	
		C04	24.3	
		X01	24.3	
29	Ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	D01	23.15	25.26
		C03	23.65	
		C04	23.65	
		X01	23.65	
30	Ngành Xã hội học	D01	22.82	25.01
		C03	23.32	
		C04	23.32	
		X01	23.32	
31	Ngành Công tác xã hội	D01	23.24	25.35
		C03	23.74	
		C04	23.74	
		X01	23.74	
32	Ngành Lịch sử, chương trình đào tạo Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	A07	25.1	26.48
		C03	24.6	
		C19	25.1	
		D14	25.1	

2. Xác định điểm trúng tuyển

a. Xét tuyển bằng phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT (Tổ hợp xét tuyển trong bảng ở Mục 1)

- Đối với các ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành 1 (tổ hợp môn chính nhân đôi)

Điểm xét = [Điểm môn chính x 2 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3] + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (nếu có).

- Đối với các ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành 2, nhóm ngành 3, nhóm ngành 4 (tổ hợp môn chính không nhân đôi)

Điểm xét = [Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3] + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (nếu có).

b. Xét tuyển bằng phương thức kết hợp (Điểm chứng chỉ tiếng Anh quy đổi kết hợp điểm trung bình chung học tập 6 học kỳ cấp THPT theo các môn)

- Đối với các ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành 1 (thang điểm 40)

Điểm xét: = [Điểm chứng chỉ tiếng Anh quy đổi + Điểm môn Ngữ văn + Điểm môn Toán học]*4/3 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (nếu có).

- Đối với các ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành 2, nhóm ngành 4 (thang điểm 30)

Điểm xét: = [Điểm chứng chỉ tiếng Anh quy đổi + Điểm môn Ngữ văn + Điểm môn Toán học] + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (nếu có).

- Đối với các ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành 3 (thang điểm 30)

Điểm xét: = [Điểm chứng chỉ tiếng Anh quy đổi + Điểm môn Ngữ văn + Điểm môn Lịch sử] + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó:

* Điểm chứng chỉ tiếng Anh quy đổi: Điểm quy đổi từ chứng chỉ tiếng Anh đã được quy định trong Thông tin tuyển sinh của Học viện.

* Điểm môn Ngữ văn: TBC kết quả học tập 6 học kỳ cấp THPT môn Ngữ văn.

* Điểm môn Toán học: TBC kết quả học tập 6 học kỳ cấp THPT môn Toán học.

* Điểm môn Lịch sử: TBC kết quả học tập 6 học kỳ cấp THPT môn Lịch sử.

c. Lưu ý:

- Điểm cộng, điểm ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng điểm không vượt quá 30 điểm đối với các tổ hợp không nhân hệ số; không vượt quá 40 điểm đối với các tổ hợp có môn chính nhân hệ số.

- Đối với các ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành 1, điểm xét tuyển kết hợp được xác định theo Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Học viện và quy về thang điểm 40 để xác định mức điểm trúng tuyển tương đương. 

3. Danh sách thí sinh trúng tuyển: thí sinh tra cứu thông tin trúng tuyển tại địa chỉ các địa chỉ sau:

a. <http://kqmb.hust.edu.vn/>

b. daotaoajc.edu.vn/ket-qua-tuyen-sinh-c171.html



4. Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học và chuẩn bị hồ sơ nhập học

a. **Xác nhận nhập học trực tuyến:** Trên cổng thông tin <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> trước 17h00 ngày 21/8/2026 theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

b. Thí sinh chỉ nhận được Giấy báo nhập học sau khi đã hoàn thành thủ tục xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh trúng tuyển không xác nhận nhập học coi như từ chối nhập học.

c. Sinh viên khóa mới (K46) dự kiến tiếp sinh, làm thủ tục nhập học vào ngày 22/8/2026 và bắt đầu thực hiện Kế hoạch học tập năm học 2026 - 2027 từ ngày 24/8/2026 (sẽ có Thông báo riêng).

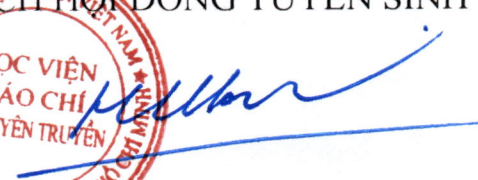
5. Học viện có thể xét tuyển đợt bổ sung nếu số thí sinh nhập học chưa đủ chỉ tiêu.

Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0912613584/ 0915054888/ 0901732668 trong giờ hành chính.

Nơi nhận:

- HVCTQGHCM (b/c)
- Bộ GDĐT (b/c)
- Ban Giám đốc Học viện,
- Các đơn vị,
- Công TTĐT Học viện,
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH


Phạm Minh Sơn